CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

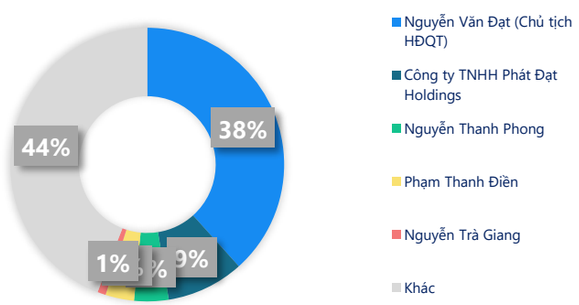
FireAnt

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tốt chính.

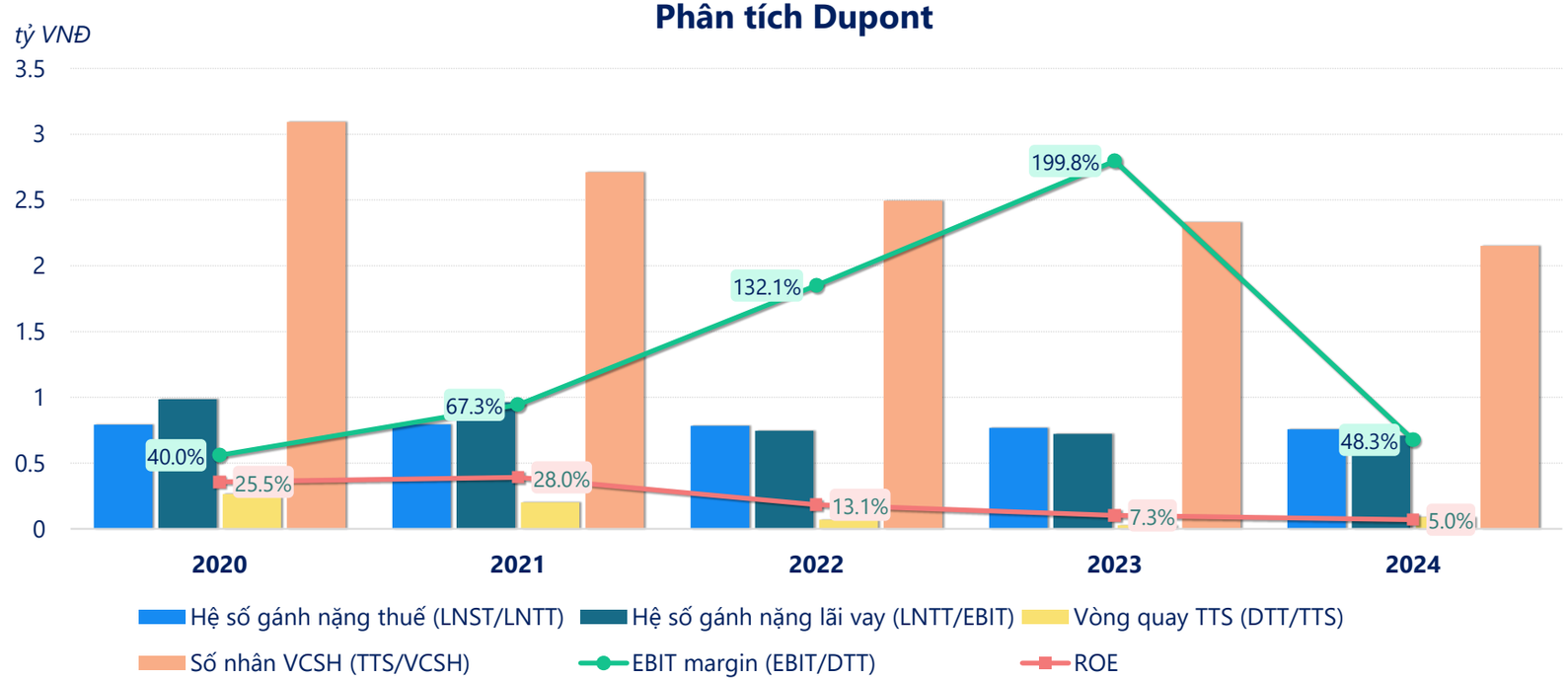
Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	20,700
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,000 - 29,769
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,074
Số lượng CPLH (CP)	873,140,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,864,775
Sở hữu nước ngoài	8.2%
Beta	2.07
EPS	599
P/E	34.6

	YTD	1T	3T	6T
PDR	1.5%	-1.7%	-10.2%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2024

2,017

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,399| 227%

LN sau thuế

2024

523

tỷ VNĐ

YoY: ▼160| -23.4%

ROE

2024

5.0%

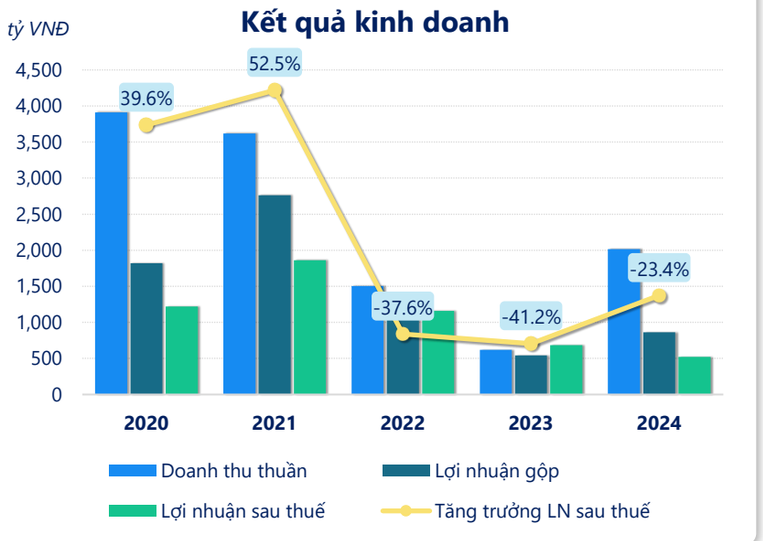
+/- YoY: ▼ 2.3%

ROA

2024

2.3%

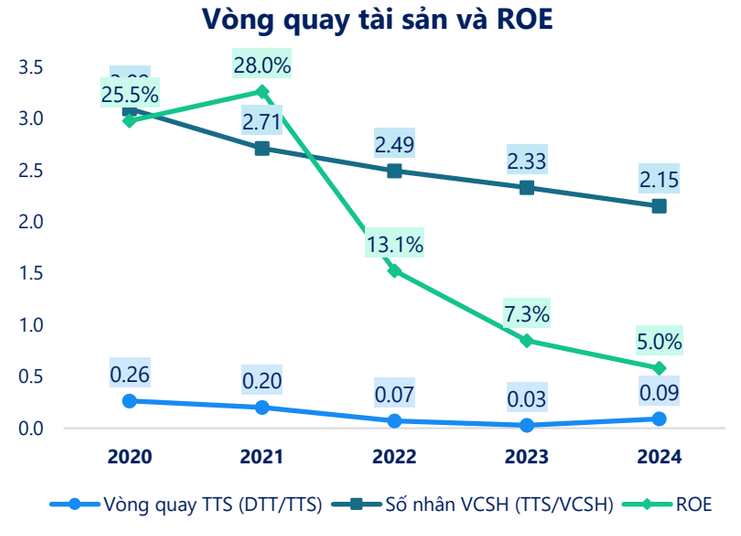
+/- YoY: ▼ 0.8%



Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **48.3%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

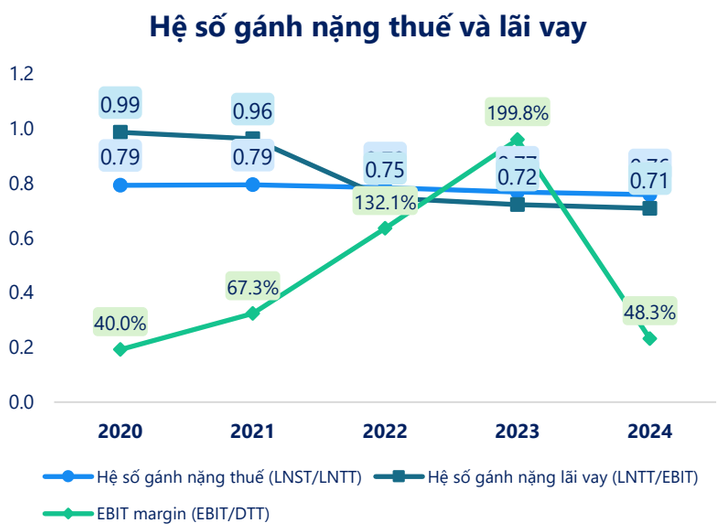
Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.76**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.71**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.



Năm **2024**, **PDR** ghi nhận doanh thu thuần **2,017** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **522.8** tỷ đồng, lần lượt **tăng 227%** và **giảm 23.4%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **4.98%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

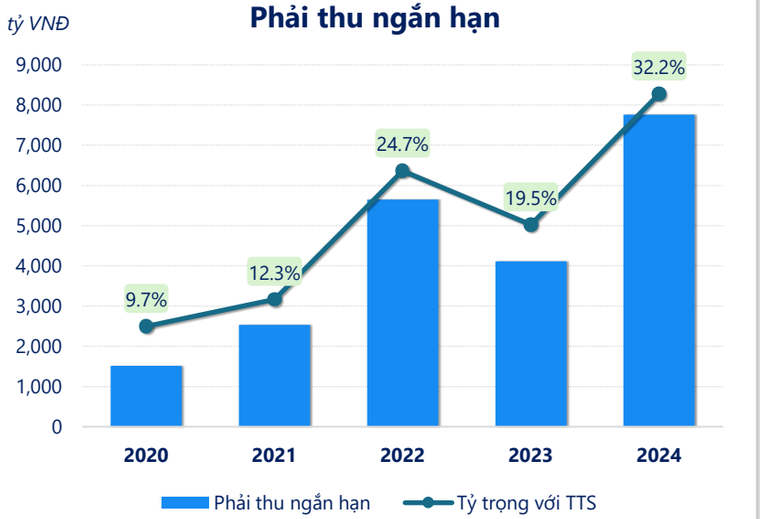


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.09**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **2.15** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

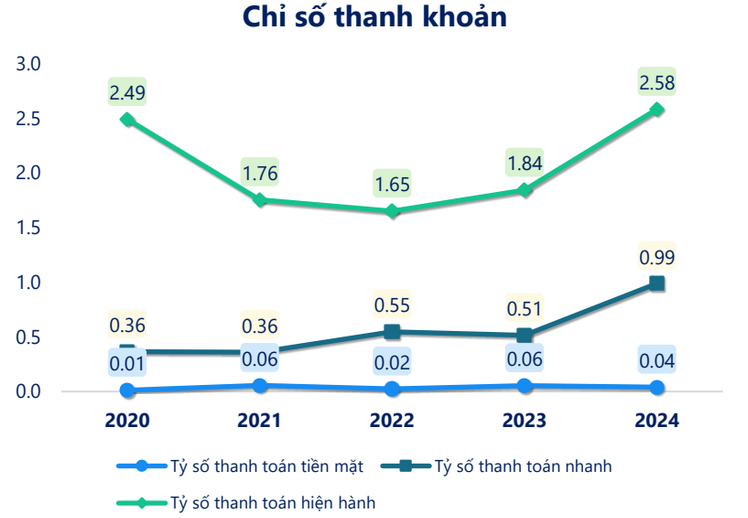
Phải thu ngắn hạn



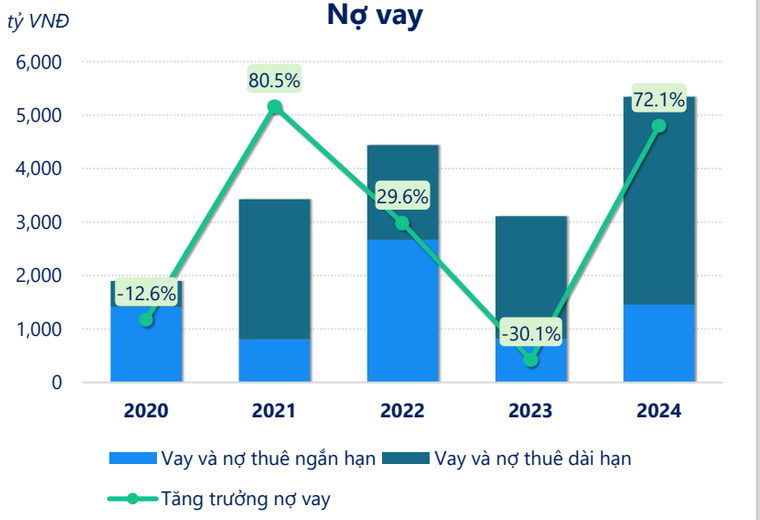
Hàng tồn kho



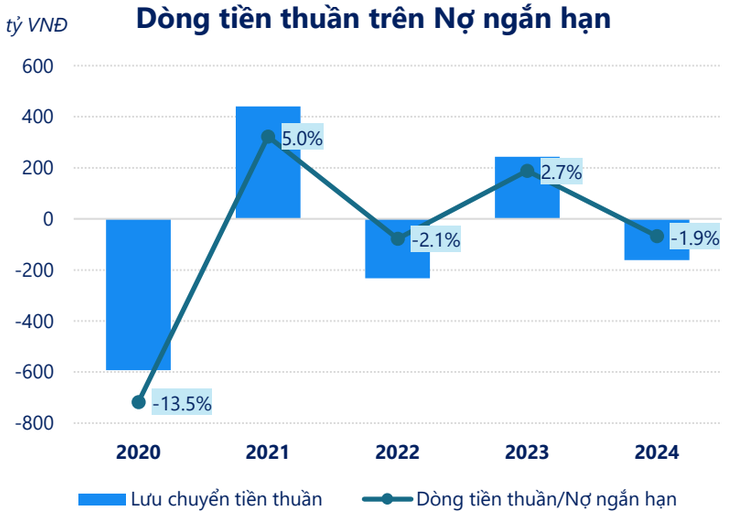
Chỉ số thanh khoản



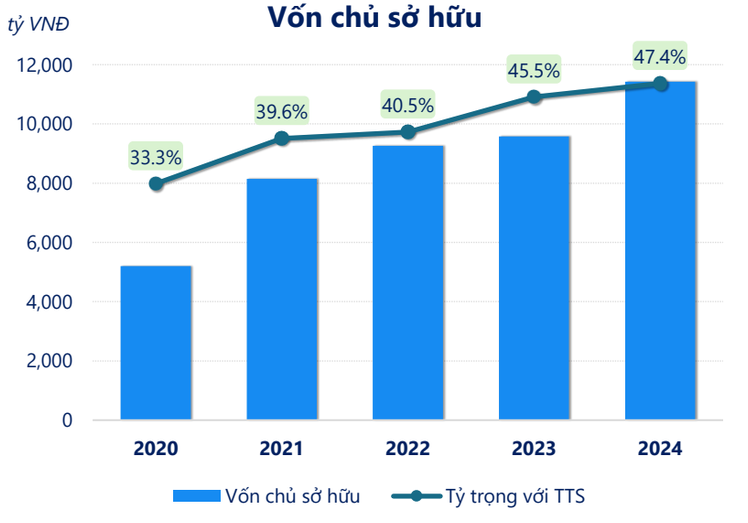
Nợ vay



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Vốn chủ sở hữu



CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

FireAnt

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,116**	**21,068**	**14.5%**
Tài sản ngắn hạn	21,706	16,916	28.3%
Tiền và tương đương tiền	344	505	-32.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115	15.4	651%
Phải thu ngắn hạn	7,762	4,115	88.6%
Hàng tồn kho	13,400	12,200	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	84.6	81.5	3.8%
Tài sản dài hạn	**2,410**	**4,151**	**-41.9%**
Phải thu dài hạn	38.7	733	-94.7%
Tài sản cố định	744	27.0	2652%
Bất động sản đầu tư	63.2	64.8	-2.4%
Tài sản dở dang	533	1,170	-54.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	1,202	-96.8%
Tài sản dài hạn khác	**993**	**955**	**3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,693	11,488	10.5%
Nợ ngắn hạn	**8,400**	**9,177**	**-8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,455	815	78.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	243	-18.7%
Nợ dài hạn	4,293	2,311	85.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,889	2,290	69.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,424**	**9,579**	**19.3%**
Vốn chủ sở hữu	**11,424**	**9,579**	**19.3%**
Vốn điều lệ	8,731	7,388	18.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**3,911**	**3,620**	**1,505**	**618**	**2,017**
Giá vốn hàng bán	2,089	857	227	73.8	1,156
Lợi nhuận gộp	**1,822**	**2,763**	**1,277**	**544**	**861**
Doanh thu HĐTC	6.12	6.74	1,372	952	401
Chi phí TC	31.1	163	760	399	320
Chi phí lãi vay	**23.0**	**93.2**	**506**	**344**	**285**
LN trong công ty LKLD	0	-0.11	-0.06	-23.2	-49.8
Chi phí bán hàng	118	18.0	26.3	14.5	69.5
Chi phí QLDN	130	221	275	199	195
LN thuần từ HĐKD	**1,549**	**2,368**	**1,588**	**859**	**629**
Lợi nhuận khác	-8.64	-23.5	-106	30.0	61.5
LN trước thuế	**1,540**	**2,344**	**1,482**	**889**	**690**
Lợi nhuận sau thuế	**1,220**	**1,861**	**1,161**	**683**	**523**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,220**	**1,865**	**1,137**	**684**	**523**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,385	797	-3,779	425	-4,616
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4,293	-2,753	2,585	490	910
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-685	2,397	962	-672	3,545
Tiền đầu kỳ	646	53.2	494	262	505
Lưu chuyển tiền thuần	**-593**	**441**	**-232**	**243**	**-161**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.2	494	262	505	344